

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Số: 31/2018/QĐST - DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào **Điều 212 và Điều 213** của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày **01/6/2018** về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số **46/2018/TLST-DS ngày 11/4/2018** về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
 - *Nguyên đơn:* **Bà H**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 11, đường Phan Chu Trinh, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh A.
 - *Bị đơn:*
 - + **Ông C**, sinh năm 1963;
 - + Bà H, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Số 44, đường Võ Thành, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh A.
2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải thu phải trả: Các bên đương sự thống nhất, **ông C, bà H** phải trả liên đới trả toàn bộ số tiền **167.000.000đ (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng)** cho **bà H**.

Về hình thức trả nợ trả làm 05 lần:

 - Lần 01: ngày 01/9/2018 (dương lịch) trả 30.000.000đ.
 - Lần 02: ngày 01/12/2018 (dương lịch) trả 30.000.000đ.
 - Lần 03: ngày 01/3/2019 (dương lịch) trả 30.000.000đ.
 - Lần 04: ngày 01/6/2019 (dương lịch) trả 30.000.000đ.
 - Lần 05: ngày 01/9/2019 (dương lịch) trả 30.000.000đ.
 - Lần 06: ngày 01/10/2019 (dương lịch) trả 17.000.000đ là tất toán nợ.

Đến hạn trả mà **ông C, bà H** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, thì **bà H** được quyền làm đơn đến cơ quan Thi hành án dân sự thị xã K yêu cầu thi hành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Án phí của vụ án là 4.175.000đ (bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Các bên đương sự thống nhất, thỏa thuận **ông C, bà H** liên đới chịu 2.087.500đ (hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); Bà **H** chịu 2.087.500đ (hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho **bà H** 2.917.281đ (hai triệu chín trăm mười bảy nghìn hai trăm tám mươi một đồng) sau khi đã căn trừ số tiền tạm ứng đã nộp 5.004.781 (năm triệu không trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm tám mươi một đồng) theo biên lai số 0006729 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Bà H phải trả 01 bản chính một **giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số BE 927646 được Ủy ban nhân dân huyện H(nay là thị xã K) cấp cho ông C ngày 28/9/2011 cho ông C, bà H.**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Diệp